

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NGỌC HÀ
TRƯỜNG MẦM NON SAO MAI**

**MỤC TIÊU GIÁO DỤC
TRƯỜNG MẦM NON SAO MAI**

Năm học 2025-2026

MỤC TIÊU GIÁO DỤC MẪU GIÁO
Năm học 2025-2026

Mẫu giáo Bé	Mẫu giáo Nhỡ	Mẫu giáo Lớn
I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
* <i>Phát triển vận động</i>		
Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
1. Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	1. Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	1. Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài tập TD theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.
Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động		
2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m.	2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.	2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30cm) một đầu kê cao 30cm - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế TD - Đứng 1 chân và giữ thăng bằng trong 10 giây
3. Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	3. Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt dích dắc).	3. Kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)
4. Phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Tự đập- bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)	4. Phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	4. Phối hợp tay- mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m) - Ném trúng đích đứng (xa 2m- cao 1,5m) - Đi, đập và bắt bóng được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp

5. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.	5. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	5. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây - Bò vòng qua 5-6 điểm dích dắc cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu
Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt		
6. Thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay - Gập, đan ngón tay vào nhau	6. Thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay - Gập, mở, các ngón tay,	6. Thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay - Gập, mở lần lượt từng ngón tay
7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu - Cắt thẳng được một đoạn 10cm - Xếp chồng 8-10 khối không đổ - Tự cài, cởi cúc.	7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số - Cắt được theo đường viền của hình vẽ - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu - Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa phéc mơ tuya.
8. Cân nặng, chiều cao đạt yêu cầu của độ tuổi.	8. Cân nặng, chiều cao đạt yêu cầu của độ tuổi.	8. Cân nặng, chiều cao đạt yêu cầu của độ tuổi.
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
9. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	9. Biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	9. Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả
10. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	10. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo	10. Nói được tên 1 số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu

	nấu cơm, nấu cháo...	cơm, nấu cháo...
11. Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	11. Biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	11. Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khoẻ mạnh; uống nước ngọt, nước có ga, ăn đồ ngọt để béo phì không có lợi cho sức khỏe.
Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
12. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo - Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	12. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	12. Thực hiện được một số việc đơn giản. - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự rửa mặt, đánh răng - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi qui định - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch - Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo
13. Có một số kỹ năng tự phục vụ: -Đi cầu thang, cất ba lô. -Cách đứng lên, ngồi xuống ghế, cách bê ghế. -Cách rửa tay, cách lấy nước uống, cởi và cất giày dép. - Tự cài, cởi cúc. -Xúc hạt với thìa to. -Dùng kẹp to để di chuyển đồ vật. -Quét và hót hạt đậu. -Vắt nước với bọt biển. -Rót nước với bình đục có tay cầm -Rót nước từ bình trong có tay cầm ra 2 cốc. -Tập cài cúc nút to. -Tập đóng , mở khóa giấy. -Tập kéo khóa.	13. Có một số KN tự phục vụ: Đi cầu thang, cách đóng mở cửa, cởi và cất giày dép, cách rửa tay, cách xúc miệng nước muối, cách lấy nước uống, cách xử lý hỉ mũi, cách mặc áo, cởi áo, cách cài khuy áo, cách gấp khăn lại, cách rót nước, cách sử dụng thìa, kéo khóa, vắt khăn ướt, tưới cây, lau lá cây, chuẩn bị giờ ăn nhẹ.	13. Có một số KN tự phục vụ: Súc miệng nước muối, cách xử lý xì mũi, cách gấp quần áo, cách sử dụng kéo, , cách chải tóc, cắt móng tay, quét rác trên sàn, lau chùi nước, chuẩn bị giờ ăn nhẹ, mời trà, rửa cốc, vắt khăn ướt, đánh giày, cách cắt dưa chuột, cách sử dụng thìa, cách cầm dao kéo đĩa, tưới cây, lau lá cây.

-Tập đóng, mở cúc bấm. -Tập đóng, mở cúc cài -Tập đóng, mở ốc vít. -Tập khóa cửa		
Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
14. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	14. Có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	14. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
15. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	15. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định.	15. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ, đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Che miệng khi ho, hắt hơi - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.
Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
16. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở.	16. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết không nên nghịch các vật sắc nhọn.	16. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn
17. Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc	17. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy	17. Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói

nhỏ.	hiểm, không được chơi gần.	được mỗi nguy hiểm khi đến gần
18. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	18. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	18. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh - Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc.. - Biết không tự ý uống thuốc - Biết: ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe
	19. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	19. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ. - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
		20. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.

		- Không leo trèo cây, ban công, tường rào...
II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
* Khám phá khoa học		
Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng		
19. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	20. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo?”; “ Vì sao lá cây bị úớt?”....	21. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa?”...
20. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. -Học qua bảng xúc giác. -Các thanh phân biệt nhiệt độ A. - Phân biệt mùi. -Phân biệt âm thanh -Tập pha 3 màu.	21. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	22. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả...và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.
21. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	22. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	23. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.
22. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	23. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	24. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.
23. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	24. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	25. Phân loại đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.

Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		
24. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	25. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”	26. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”
	26. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	27. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.
Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau		
25. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	27. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	28. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.
26. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... -Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh ... -Hát các bài hát về cây, con vật, bài hát dân gian... -Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản, tô màu nhạc cụ dân gian	28. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	29. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...
* Làm quen với một số biểu tượng sơ đẳng về toán		
Nhận biết số đếm, số lượng		
27. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	29. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “Bao nhiêu?”; “Là số mấy?”...	30. Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “Bao nhiêu?”; “Đây là mấy?”...
28. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	30. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. <i>Đếm xuôi, đếm ngược trong phạm vi 10. Nhận biết trật tự dãy số từ 0-10</i>	31. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. <i>Đếm chẵn, đếm lẻ. Đếm cách 5-10</i>
29. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau	31. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác	32. So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau

và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn, ít nhất.
30. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	32. Gộp hai nhóm đối tượng có tổng số lượng trong phạm vi 5. Đếm và nói kết quả.	33. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.
31. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	33. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	34. Tách 1 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau
	34. Sử dụng các số từ 0-10 để chỉ số lượng, số thứ tự	35. Nhận biết các số từ 0 đến 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.
	35. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	36. Nhận biết các con số sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.
Sắp xếp theo quy tắc		
32. Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	36. Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại	37. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.
		38. Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.
		39. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.
So sánh hai đối tượng		
33. So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	37. <i>So sánh kích thước 3 đối tượng. Sắp xếp theo trình tự từ cao đến thấp, từ to đến nhỏ, từ dài đến ngắn và ngược lại</i>	40. <i>So sánh kích thước các đối tượng. Sắp xếp theo trình tự từ cao đến thấp, từ to đến nhỏ, từ dài đến ngắn, từ nặng đến nhẹ và ngược lại. Nhận ra mối liên quan giữa kích thước của đối tượng.</i>
	38. Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	41. Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả
Nhận biết hình dạng		
34. Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	39. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ	42. Gọi tên và chỉ ra các điểm giống và khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối

	nhật,...)	vuông và khối chữ nhật
	40. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	
Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
35. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	41. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	43. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.
	42. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	44. Gọi đúng tên các ngày trong tuần, các mùa trong năm. - <i>Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày</i> - <i>Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ</i>
* Khám phá xã hội		
Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
36. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện - Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình - <i>Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình</i> - <i>Nói được tên trường / lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi,</i>	43. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện - Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. - <i>Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.</i>	45. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. - Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. <i>Nói địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố / thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi, trò chuyện.</i>

<i>trò chuyện.</i>	44. Nhận biết trường lớp mầm non và cộng đồng - Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. - Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. - Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện
Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
37. Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	45. Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi...của một số nghề khi được hỏi trò chuyện.	46. Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...”
Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
38. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương, <i>lễ hội dân gian</i> <i>-Làm món quà nhỏ tặng mẹ, tặng cô, người thân nhân ngày lễ 20/10, 20/11, 8/3</i>	46. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh - Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội. - Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	47. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên..” - Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.
		48. Hình thành và sử dụng các kỹ năng tự học. Bước đầu biết cách tự nghiên cứu, thu thập thông tin về những vấn đề, tình huống, sự vật đơn giản trong cuộc sống. Biết vận dụng các kiến thức đã học theo độ tuổi vào cuộc sống

III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
Nghe hiểu lời nói		
39. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	47. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	49. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.
40. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	48. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	50. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)
41. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	49. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	51. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. - Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi - Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2,3 hành động - Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
42. Nói rõ các tiếng.	50. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	52. Kể rõ ràng, có trình tự về sự vật, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.
43. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...	51. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	53. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh.
44. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	52. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	54. Dùng được câu đơn, câu phức, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...
45. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,...	53. Kể lại sự việc theo trình tự.	55. Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái...của nhân vật.
46. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè, <i>thành ngữ</i> , <i>câu đố dân gian</i> ...	54. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	56. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...

47. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	55. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	57. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay đổi tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện.
48. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	56. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	58. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.
49. Sử dụng các từ “Vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa” ... trong giao tiếp.	57. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	59. Sử dụng các từ: “Cảm ơn”; “Xin lỗi”, “Xin phép”, “Dạ”, “Thưa”..phù hợp với tình huống.
50. Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	58. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	60. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh. - <i>Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện</i> - <i>Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp</i> - <i>Không nói tục, chửi bậy</i>
Làm quen với việc đọc – viết		
51. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	59. Chọn sách để xem.	61. Chọn sách để “đọc” và xem.
52. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh. <i>-Làm quen với chữ viết, kí hiệu ở môi trường xung quanh</i> <i>- Tổ chức cho trẻ cùng đọc sách</i>	60. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	62. Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.
53. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc. <i>- Giáo dục trẻ biết yêu quý, thích thú, giữ gìn sách truyện</i>	61. Cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	63. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.
	62. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..	64. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...
	63. Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	65. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.
		66. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.

		- Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh - Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói - Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân
IV.LĨNH VỰC TC - KNXH		
Thể hiện ý thức về bản thân		
54. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	64. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	67. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.
- Nói được điều bé thích, không thích.	- Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được. - Nói được mình có điểm gì giống và khác nhau (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng). - Biết mình là con / cháu / anh / chị/ em trong gia đình. - Biết vâng lời , giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.
Thể hiện sự tự tin, tự lực		
55. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	65. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. - Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	68. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...) - Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. - Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân
Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		

56. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh. - Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	66. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh. - Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	69. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ...qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác. - Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. - Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè. - <i>Biết kiểm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích</i> - <i>Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân</i>
57. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ. - Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	67. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. - Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	70. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...) - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. - Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
58. Thực hiện được một số quy định, <i>văn hóa trường học ở lớp và gia đình</i> : sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ. <i>Đi VS đúng nơi quy định. Vứt rác đúng chỗ...</i> - Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi	68. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ. - Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. - Chú ý nghe khi cô, bạn nói. - Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	71. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép. - Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ

theo nhóm nhỏ: +<i>Biết chia sẻ với bạn</i> - Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở, lễ phép khi nhà có khách... - Chú ý lắng nghe khi cô, bạn nói. - <i>Biết thể hiện bản thân. Làm theo sự hướng dẫn của cô, người lớn.</i> -<i>Tập trung hoàn thành công việc.</i> -<i>Biết nhờ đến sự trợ giúp từ cô giáo và người xung quanh.</i> <i>*An toàn giao thông:</i> -<i>Biết một số luật giao thông đi đường và ý nghĩa đèn tín hiệu, biển báo đơn giản.</i> -<i>Biết bảo vệ bản thân khi tham gia giao thông.</i> -<i>Biết khi tham gia giao thông phải đi cùng người lớn.</i> -<i>Biết mô phỏng, bắt chước các-PTGT qua trò chơi</i>	- Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...).	phép. - Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác. - Biết chờ đến lượt. - Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn - Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn) - <i>Có nhóm bạn chơi thường xuyên</i> - <i>Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác</i>
Quan tâm đến môi trường		

59. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. - Bỏ rác đúng nơi quy định	69. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. - Bỏ rác đúng nơi quy định - Không bẻ cành, bứt hoa. - Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	72. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc - Bỏ rác đúng nơi quy định - Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không vứt rác bừa bãi, bẻ cành, ngắt hoa...) - Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau, khi dùng, không để thừa thức ăn.
60. Bước đầu có một số phẩm chất cá nhân: Mạnh dạn, tự tin, trung thực. Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.	70. Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực, trung thực. - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ, có trách nhiệm	73. Có một số phẩm chất cá nhân mạnh dạn, tự tin, trung thực, không thành kiến - Có một số kỹ năng tôn trọng hợp tác, thân thiện, quan tâm chia sẻ, có trách nhiệm, giải quyết bất đồng
61. Bước đầu biết cách ứng xử với các tình huống đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.	71. Bước đầu biết cách ứng xử phù hợp với các tình huống đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.	74. Biết cách ứng xử phù hợp với tình huống
		75. Thích lao động, sẵn sàng giúp đỡ mọi người khi cần thiết theo khả năng của mình
		76. Có ý thức tham gia một số hoạt động xã hội (hoạt động từ thiện, giao lưu với mọi người)
V. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		

Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật		
62. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. - Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện. - Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	72. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. - Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện. - Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	77. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. - Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện. - Thích thú ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.
78. Có khả năng nhận biết, cảm nhận và bước đầu thể hiện một số loại hình nghệ thuật dân gian Việt Nam và một số nước trên thế giới		
Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
63. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. - Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa,).	73. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ... - Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, vận động minh họa, múa).	79. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... - Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)

64. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. - Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. - Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. - Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. - Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản. - Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	74. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. - Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. - Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục. - Làm lồi, lõm, bẹt, bẻ, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. - Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	80. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. - Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. - Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. - Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối. - Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. - Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.
	75. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng. <i>Trẻ biết cách nhận xét sản phẩm của mình và của bạn</i> - Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	
Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
65. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật - Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	76. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật - Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. - Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. - Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	81. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật. - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích - Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn - Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.